

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày 12/7/2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyên

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2023/TLST-DS ngày 13-11-2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 14-5-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-DS, ngày 14-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Bưu điện L V; trụ sở: Tòa nhà LPB T, số 210 Trần Quang K, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T - chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: Tòa nhà LPB T, số 210 Trần Quang K, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai H - chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đắk Nông; địa chỉ: Đường A, phường Nghĩa Đ, thành phố Gia N, tỉnh Đắk Nông.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng T - chức vụ: Chuyên viên khách hàng; địa chỉ: Tổ C, phường Nghĩa Đ, thành phố Gia N, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Đắk Kual B, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990; anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995; chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị K, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Thôn Đắk Kual B, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Đăng T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10-5-2022, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G ký vay vốn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện L V theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD67020221063, với số tiền gốc 250.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 11-5-2022 đến ngày 10-5-2023), mục đích vay thanh toán chi phí phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; lãi suất thỏa thuận là 9,5%/năm, áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ trả nợ gốc vào tháng 5/2023 trả số tiền 250.000.000 đồng, kỳ hạn trả lãi theo kỳ hạn trả gốc.

Để bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện L V – Chi nhánh Đắk N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của mình tại Hợp đồng thế chấp số 239/2020/HĐTC/CNDakNong ngày 06-5-2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắk Song ngày 06-5-2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song ngày 06-5-2020. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 646318, vào sổ cấp GCN số 075421/HB do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 07-8-2008, đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 80 tại thôn Đắk Kual 3, xã Đắk N’drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, diện tích 10972 m².

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 09-5-2023 ông T và bà G trả được một phần gốc là 52.400.000 đồng. Ngày 20-5-2023 toàn bộ nợ vay còn lại của hợp đồng tín dụng đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn. Tại thời điểm khởi kiện Ngân hàng yêu cầu ông T và bà G trả số tiền gốc là 197.599.870 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 12-01-2024 ông T bà G trả tiếp được 135.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, ngày 02-5-2024 Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện và buộc ông T bà G trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử tổng cộng cả gốc và lãi là 129.055.213 đồng (trong đó tiền gốc là 62.549.803 đồng, lãi quá hạn 29.626.467 đồng, lãi chậm trả gốc 33.396.819 đồng và lãi chậm trả lãi 3.482.124 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 12-7-2024). Kể từ ngày 13-7-2024, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD67020221063 ngày 10/5/2023 cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 239/2020/HĐTC/CNDakNong 06-5-2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắk S ngày 06-5-2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk S ngày 06-5-2020.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị K: Qua xác minh tại địa phương thì hộ gia đình ông T và bà G có đăng ký hộ khẩu thường tại thôn Đắk Kual B, xã Đắk N’D, ông T, bà G và các con sinh sống tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên,

ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị K không đến toà án làm việc. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C: Anh C có nghe bố mẹ nói vay tiền tại Ngân hàng nhưng cụ thể vay số tiền bao nhiêu và vay như thế nào thì anh không biết và anh cũng có ký thủ tục ủy quyền tài sản để bố mẹ thế chấp do tài sản mang tên hộ còn cụ thể như thế nào thì anh C không rõ. Việc Ngân hàng khởi kiện về khoản nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì anh không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C cam kết sẽ có trách nhiệm thông báo cho bố mẹ và các em về văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện nay có mặt và sinh sống tại địa phương nhưng không hợp tác, Tòa án xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157, Điều 170, Điều 173, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 của Bộ luật dân sự. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 129.055.213 đồng (trong đó tiền gốc là 62.549.803 đồng, lãi quá hạn 29.626.467 đồng, lãi chậm trả gốc 33.396.819 đồng và lãi chậm trả lãi 3.482.124 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 12-7-2024). Kể từ ngày 13-7-2024, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD67020221063 ngày 10-5-2023 cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 239/2020/HĐTC/CNDakNong 06-5-2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắk S ngày 06-5-2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk S ngày 06-5-2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 135.000.000 đồng tiền gốc đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đắc Kual B, xã Đắc N'D, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G là bị đơn; anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì được biết bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đắc Kual B, xã Đắc N'D, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông nhưng không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và cấp tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 170, Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo Hợp đồng tín dụng từng lần số HĐTD67020221063 ngày 10-5-2023 có ghi rõ ràng địa chỉ của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G), theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Ngày 10-5-2022 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G ký vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD67020221063, với số tiền gốc 250.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 11-5-2022 đến ngày 10-5-2023), mục đích vay thanh toán chi phí phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; lãi suất thỏa thuận là 9,5%/năm, áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ trả nợ gốc vào tháng 5/2023 trả số tiền 250.000.000 đồng, kỳ hạn trả lãi theo kỳ hạn trả gốc. Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, do đó các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 52.400.000 đồng ngày 09-5-2023; ngày 20-5-2023 toàn bộ nợ vay còn lại của hợp đồng tín dụng đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn. Tại thời điểm khởi kiện Ngân hàng yêu cầu trả số tiền gốc là 197.599.870 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 12-01-2024 ông T bà G trả tiếp được 135.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, ngày 02-5-2024 Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 135.000.000 đồng. Như vậy, ông T bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 12-7-2024 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 129.055.213 đồng (trong đó tiền gốc là 62.549.803 đồng, lãi quá hạn 29.626.467 đồng, lãi chậm trả gốc 33.396.819 đồng và lãi chậm trả lãi 3.482.124 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 12-7-2024) và tiền lãi phát sinh tính tiếp từ ngày 13-7-2024 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G là bị đơn; anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy, được xem từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghĩa vụ chứng minh, theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, được xem như họ từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên tòa để giải quyết vụ án theo quy định.

[4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 135.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đã rút.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký ông T và bà G đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất thế chấp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 239/2020/HĐTC/CNDakNong 06-5-2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắc S ngày 06-05-2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắc S ngày 06-5-2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 646318, vào sổ cấp GCN số 075421/HB do UBND huyện Đắc S cấp ngày 07-8-2008, đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 80 tại Thôn Đắc Kual 3, xã Đắc N'drug, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, diện tích 10972 m². Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T và bà G nên các con của ông T và bà G là anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị K đã ký Hợp đồng ủy quyền cho ông T và bà G toàn quyền quyết định liên quan đến quyền sử dụng đất trong việc vay vốn, xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tổng số tiền phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 129.055.213 đồng (trong đó tiền gốc là 62.549.803 đồng, lãi quá hạn 29.626.467 đồng, lãi chậm trả gốc 33.396.819 đồng và lãi chậm trả lãi 3.482.124 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 12-7-2024) và tiền lãi phát sinh tính tiếp từ ngày 13-7-2024 theo hợp đồng tín dụng số HDTD67020221063 ngày 10-5-2022 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 239/2020/HĐTC/CNDakNong 06-5-2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắc S ngày 06-5-2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắc S ngày 06-5-2020 để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G được ưu tiên mua nếu có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải chịu toàn

bộ số tiền trên. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.452.760 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 6.063.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001476 ngày 10-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 298, Điều 299, khoản 1 Điều 317, Điều 318, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L V đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L V toàn bộ nợ gốc và lãi, tổng số tiền là 129.055.213 đồng (trong đó tiền gốc là 62.549.803 đồng, lãi quá hạn 29.626.467 đồng, lãi chậm trả gốc 33.396.819 đồng và lãi chậm trả lãi 3.482.124 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 12-7-2024) và tiền lãi phát sinh tính tiếp từ ngày 13-7-2024 theo hợp đồng tín dụng số HDTD67020221063 ngày 10-5-2022 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng TMCP Bưu điện L V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 239/2020/HĐTC/CNDakNong 06-5-2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắk S ngày 06-5-2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk S ngày 06-5-2020 để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G được ưu tiên mua nếu có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đã rút.

3. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L V số tiền là 3.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G phải nộp 6.452.760 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L V số tiền 6.063.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001476 ngày 10-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài